

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/LĐ-PT

Ngày 17 - 3 - 2022

V/v “*Tranh chấp về tiền lương và đơn
phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Tú Anh
- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 04/2021/TLPT-LĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về tiền lương và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”;

Do bản án Lao động sơ thẩm số: 10/2021/LĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Ch, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh Ch - Sinh năm: 1977 - Địa chỉ thường trú: 136 đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng - Địa chỉ liên lạc: K30/25 đường T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Bị đơn*: Công ty TNHH N - Địa chỉ: Lô D - E tầng 12, Tòa nhà Công viên phần mềm, 02 đường Q, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân Ph - Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền có bà Trần Thị Du - Sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị Thanh T - Sinh năm 1998 - Cùng địa chỉ: 99 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Bà Du có mặt, bà T vắng mặt).

- Người kháng cáo: Công ty TNHH N là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ch trình bày:***

Công ty TNHH N được thành lập ngày 15/8/2018, bà Nguyễn Thị Thanh Ch có góp vốn vào Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, lĩnh vực kinh doanh sản xuất phần mềm. Từ ngày 01/4/2019, Công ty chuyển sang hình thức Công ty TNHH hai thành viên trở lên, có 04 thành viên góp vốn. Đến ngày 14/01/2020, bà Ch chuyển giao cho ông Đinh Xuân Ph là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bà Ch có vốn góp trong Công ty là 5%. Sau khi chuyển giao Công ty, bà Ch được giao công việc là nhân viên hành chính nhân sự kiêm phiên dịch và test phần mềm, giữa Công ty và bà Ch không có ký kết hợp đồng lao động tuy nhiên có thỏa thuận qua email với nhau về công việc và mức lương hàng là 1.250 USD, giữa Công ty và bà Ch thống nhất tiền lương hàng tháng là 31.100.080 đồng, sau khi trừ tiền bảo hiểm, chi phí công đoàn, thuế thu nhập cá nhân thì mức lương thực nhận của bà Ch là 28.649.568 đồng, theo hoạt động của Công ty từ khi thành lập đến nay thì các nhân viên hàng năm đều có lương tháng thứ 13 và ngày phép hàng năm, sau khi bà Ch thay đổi vị trí làm việc thì giữa bà Ch và Công ty chỉ thỏa thuận về mức lương được hưởng chứ không thỏa thuận về lương tháng thứ 13 và thanh toán ngày phép. Bà Ch trong Ban chấp hành Công đoàn của Công ty TNHH N chức danh là Chủ tịch. Bà Ch đã thực hiện đúng các quy định của Công ty nhưng ngày 15/10/2020, Công ty đã ban hành Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ch kể từ ngày 30/11/2020. Ngày 02/11/2020, bà Ch mới nhận được Quyết định này và Công ty yêu cầu bà Ch tiến hành thủ tục bàn giao công việc. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng với bà Ch là trái quy định của pháp luật vì trong thời gian này Công ty không có thay đổi cơ cấu tổ chức. Trước khi chấm dứt hợp đồng với bà Ch thì Công ty không báo với Ban chấp hành Công đoàn của Công ty và không ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch.

Thỏa ước lao động tập thể ghi ngày 28/9/2020 được Ban chấp hành Công đoàn Công ty soạn thảo và đã tổ chức cuộc họp có toàn thể nhân viên, lãnh đạo Công ty và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở cơ bản thống nhất, tuy nhiên điều khoản về bồi

thường sau khi chấm dứt hợp đồng lao động chưa thống nhất nên BCH Công đoàn cơ sở và Giám đốc Công ty chưa ký ban hành.

Bà Ch không đồng ý với quyết định của Công ty về lý do chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch vì Công ty vẫn hoạt động bình thường, có lợi nhuận và không thay đổi cơ cấu và chỉ chấm dứt hợp đồng lao động với một mình bà Ch.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh Ch yêu cầu Công ty TNHH N thu hồi, hủy bỏ quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 của Công ty TNHH N về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Thanh Ch.

Yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/11/2020 là $28.649.568đ \times 02 \text{ tháng} = 57.299.136 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ch yêu cầu Công ty phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương tháng 10 và 11/2020 với mức lãi 10%/năm, tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là 10 tháng 27 ngày: $57.299.136 \text{ đ} \times 10 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 5.198.783 \text{ đồng}$.

Yêu cầu Công ty phải trả tiền 08 ngày phép của năm 2020 chưa được nghỉ vào năm 2020: $1.413.640 \text{ đồng} \times 8 \text{ ngày} = 11.309.120 \text{ đồng}$.

Yêu cầu Công ty thanh toán lương tháng 13 năm 2020 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân: 29.799.567 đồng. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân cho bà Ch theo quy định.

Yêu cầu Công ty phải bồi thường do ban hành Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động, gồm:

- Bồi thường tiền lương, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là: $31.100.080đ \times 11 \text{ tháng} = 342.100.880 \text{ đồng}$.

- Bồi thường ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: $31.100.080đ \times 2 \text{ tháng} = 62.200.160 \text{ đồng}$.

- Công ty đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật nhưng không bố trí lại vị trí công việc trước đây giữ nguyên tiền lương như cũ nên bà không đồng ý trở lại làm việc và yêu cầu Công ty bồi thường ít nhất 06 tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 25 Luật Công đoàn và khoản 1, 3 Điều 42 Bộ luật lao động: $31.100.080đ \times 6 \text{ tháng} = 186.600.480 \text{ đồng}$.

- Buộc Công ty phải bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày làm việc: $31.100.080đ \times 45 \text{ ngày} = 46.650.120 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Công ty phải bồi thường cho bà Ch là 741.158.246 đồng. Ngoài ra, bà Ch không có yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH N trình bày:*

Ông Ph xác nhận bà Nguyễn Thị Thanh Ch là người đứng ra thành lập Công ty TNHH N vào ngày 15/8/2018 và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Đến ngày 14/01/2020, bà Ch chuyển giao Công ty không tham gia điều hành Công ty nữa, ông Đinh Xuân Ph là người đại diện theo pháp luật, bà Ch có vốn góp trong Công ty là 5%. Sau khi chuyển giao Công ty, bà Ch là nhân viên hành chính nhân sự kiêm phiên dịch và test phần mềm, giữa Công ty và bà Ch không có ký kết hợp đồng lao động tuy nhiên có thỏa thuận qua email với nhau, có sự đồng ý của bà Ch, về mức lương của bà Ch, Công ty vẫn thống nhất trả lương hàng tháng là 31.100.080 đồng, sau khi trừ tiền bảo hiểm, chi phí công đoàn, thuế thu nhập cá nhân thì mức lương thực nhận của bà Ch là 28.649.568 đồng; giữa Công ty và bà Ch không thỏa thuận về lương tháng thứ 13 tuy nhiên trước đây khi bà Ch là người đại diện theo pháp luật thì vẫn được hưởng tháng lương 13 căn cứ vào năng suất, hiệu quả công việc. Đối với thời gian nghỉ phép của nhân viên, năm 2020 bà Ch được nghỉ phép 08 ngày, Công ty đã ra quyết định cho bà Ch nghỉ phép đúng thời gian quy định khi bà Ch vẫn còn là nhân viên của Công ty nhưng bà Ch từ chối nghỉ phép, về vấn đề này thì tùy tình hình của Công ty mà cho phép nhân viên nghỉ phép theo quy định, về việc thanh toán ngày nghỉ phép thì do Công ty thỏa thuận trực tiếp với nhân viên chứ không phải trường hợp nào cũng thanh toán những ngày nghỉ phép mà nhân viên không được nghỉ trong năm. Thỏa ước lao động tập thể ghi ngày 28/9/2020 được Ban chấp hành Công đoàn Công ty soạn thảo và đã tổ chức cuộc họp có toàn thể nhân viên, lãnh đạo Công ty và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở thống nhất, tuy nhiên BCH Công đoàn cơ sở và Giám đốc Công ty chưa ký ban hành.

Tháng 10/2020, Công ty rà soát lại tình hình kinh doanh của Công ty và của người lao động thì thấy lượng công việc của bà Ch hầu như không có, Công ty đã sắp xếp cho bà Ch công việc kiểm thử để duy trì việc làm cho bà Ch, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid, Công ty làm ăn thua lỗ, không đủ chi phí trả lương cho nhân viên nên ngày 15/10/2020, ông Phúc có trao đổi với bà Ch về tình hình khó khăn của Công ty và không đảm bảo nguồn công việc cho bà Ch nữa và sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch, chỉ nói miệng, không có thông báo bằng văn bản, ngày 16/10/2020, ông Ph có gửi mail cho bà Ch về nội dung này. Ngày 02/11/2020, Công ty giao cho bà Ch Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 về việc chấm

dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ch kể từ ngày 30/11/2020, Công ty chỉ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch. Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch là đúng quy định pháp luật, do đó không đồng ý thu hồi, hủy bỏ quyết định theo yêu cầu của bà Ch. Công ty đồng ý nhận bà Ch trở lại làm việc.

Bà Ch là Chủ tịch Công đoàn của Công ty TNHH N theo Quyết định về việc công nhận Ban chấp hành Công đoàn Công ty TNHH N số 89/QĐ-LĐLĐ ngày 29/7/2020 của Liên đoàn lao động quận Hải Châu, trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch thì Công ty không có văn bản, không trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở về vấn đề này và không có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty đồng ý thanh toán tiền lương tháng 10 và 11/2020 cho bà Ch là 28.649.568đ x 02 tháng = 57.299.136 đồng và đồng ý thanh toán tiền lãi do chậm trả lương theo yêu cầu của bà Ch.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty đồng ý thanh toán cho bà Ch tháng lương thứ 13 năm 2020 và tiền 08 ngày phép của năm 2020 như yêu cầu của bà Ch. Công ty sẽ đóng thuế thu nhập cá nhân cho bà Ch.

Đối với yêu cầu của bà Ch yêu cầu thu hồi, hủy bỏ quyết định Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 và phải bồi thường do ban hành Quyết định về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 42 Bộ luật lao động, Công ty không đồng ý vì Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch là đúng quy định pháp luật. Ngoài ra Công ty không có yêu cầu gì khác.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án Lao động sơ thẩm số 10/2021/LĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, Điều 36, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 22, 38, 42, 192 Bộ luật Lao động; Điều 25 Luật Công đoàn; Điều 19, Điều 21 và Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc kiện tranh chấp về tiền lương và trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của bà Nguyễn Thị Thanh Ch đối với Công ty TNHH N.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH N thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ch.

2. Buộc Công ty TNHH N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch số tiền là 478.087.057 đồng (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi bảy ngàn không trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó:

- Tiền lương tháng 10 và 11/2020 là 57.299.136 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán tiền lương tháng 10, 11/2020, thời gian tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là 5.198.783 đồng;
- Tiền lương tháng thứ 13 năm 2020 là 29.799.567 đồng;
- Tiền 08 ngày phép là 11.309.120 đồng.
- Tiền lương từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là 10 tháng 27 ngày là 312.280.291 đồng và 02 tháng lương theo hợp đồng lao động là 62.200.160 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Buộc Công ty TNHH N phải thực hiện truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, đóng phí công đoàn và thuế thu nhập cá nhân theo quy định cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch, thời gian tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 và nộp thuế thu nhập cá nhân tháng lương thứ 13 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch theo quy định.

Lãi suất chậm nộp bảo hiểm xã hội do Công ty TNHH N chịu, số tiền lãi được áp dụng theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ch về việc yêu cầu Công ty TNHH N bồi thường 06 tháng tiền lương theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ch về yêu cầu Công ty TNHH N bồi thường tiền do vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động.

6. Án phí lao động sơ thẩm là 13.561.700 đồng Công ty TNHH N phải chịu. Bà Nguyễn Thị Thanh Ch không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự và quyền yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định Công ty TNHH N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Công ty TNHH N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Ch.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Công ty TNHH N chỉ kháng cáo không chấp nhận:

- Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ch;

- Phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch số tiền lương từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là 10 tháng 27 ngày là 312.280.291 đồng;

- Phải trả 02 tháng lương theo hợp đồng lao động là 62.200.160 đồng;

- Phải thực hiện truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, đóng phí công đoàn và thuế thu nhập cá nhân theo quy định cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch, thời gian tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 và nộp thuế thu nhập cá nhân tháng lương thứ 13 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch theo quy định.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

- + Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- + Về quan điểm giải quyết: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N. Giữ nguyên nội dung bản án Lao động sơ thẩm số: 10/2021/LĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 15/8/2018 bà Nguyễn Thị Thanh Ch là người đứng ra thành lập Công ty TNHH N và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Đến ngày 14/01/2020, bà Ch chuyển giao Công ty không tham gia điều hành nữa, ông Đinh Xuân Ph là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bà Ch còn vốn góp trong Công ty là 5%. Sau khi chuyển giao, bà Ch là nhân viên hành chính nhân sự kiêm phiên dịch và test phần mềm, giữa Công ty và bà Ch không có ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà Ch và

Công ty TNHH N cùng xác nhận hai bên có thỏa thuận thông qua email về nội dung công việc, thời điểm bắt đầu công việc và mức lương cụ thể. Xét thấy, quan hệ lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh Ch và Công ty TNHH N được xác lập không tuân theo quy định về hình thức của hợp đồng lao động tại Điều 16 Bộ luật Lao động 2012, tuy nhiên thỏa thuận của các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Ch đã làm việc cho Công ty dưới chức danh là nhân viên hành chính nhân sự được 10 tháng và đã được Công ty trả lương như thỏa thuận 28.649.568 đồng có đóng bảo hiểm đầy đủ. Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 cũng thể hiện việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Ch và đã thực hiện báo trước là 45 ngày theo quy định tại Điều Điều 38 Bộ Luật lao động (ban hành ngày 15/10/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 30/11/2020). Do vậy, thỏa thuận giữa bà Ch và Công ty là hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

[2] Tại phiên tòa, Đại diện Công ty cho rằng Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 với lý do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động nhưng thực chất là do dịch bệnh covid-19 Công ty phải nghỉ việc dẫn đến thua lỗ, hơn nữa trước khi ra Quyết định Công ty không trao đổi với Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành cấp trên trực tiếp cơ sở là có sai sót nhưng không thuộc trường hợp Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại các Điều 37, 38 và 39 của Bộ luật lao động, nên không chấp nhận thu hồi, hủy bỏ quyết định và bồi thường thiệt hại cho bà Ch.

* Xét kháng cáo của Công ty TNHH N HĐXX thì thấy:

[3] Đối với Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 của Công ty TNHH N:

[3.1] Về căn cứ pháp luật để ra quyết định: Công ty đưa ra để chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch là do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động. Tại khoản 1 Điều 44 của Bộ luật Lao động 2012 quy định:

*“1. Trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ mà ảnh hưởng đến việc làm của nhiều người lao động, thì người sử dụng lao động có trách nhiệm **xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động** theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật này; trường hợp có chỗ làm việc mới thì ưu tiên đào tạo lại người lao động để tiếp tục sử dụng.*

Trong trường hợp người sử dụng lao động không thể giải quyết được việc làm mới mà phải cho người lao động thôi việc thì phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định tại Điều 49 của Bộ luật này”.

Tuy nhiên, Công ty TNHH N ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ch khi chưa xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động là vi phạm quy định tại Điều 44 Bộ luật Lao động 2012. Việc Công ty cho rằng căn cứ ra quyết định là thay đổi cơ cấu tổ chức nhưng thực chất là do dịch bệnh covid-19, lời trình bày của Công ty là không có cơ sở, bởi lẽ theo quy định của Bộ luật lao động thì các căn cứ này được quy định ở những điều luật khác nhau, do vậy Công ty đã áp dụng sai pháp luật để ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động.

[3.2] Về thủ tục ra quyết định: Tại Khoản 7 Điều 192 Bộ luật Lao động quy định:

*“7. Khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển làm công việc khác, kỷ luật sa thải đối với người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách thì **phải** thỏa thuận bằng văn bản với Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành cấp trên trực tiếp cơ sở.*

Trong trường hợp không thỏa thuận được, hai bên phải báo cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Sau 30 ngày, kể từ ngày báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp không nhất trí với quyết định của người sử dụng lao động, Ban chấp hành công đoàn cơ sở và người lao động có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo thủ tục, trình tự do pháp luật quy định”.

Theo Quyết định số 89/QĐ-LĐLĐ ngày 29/7/2020 của Liên đoàn lao động quận Hải Châu về việc công nhận Ban chấp hành Công đoàn Công ty TNHH N thì bà Ch là Chủ tịch Công đoàn của Công ty, qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của Đại diện Công ty tại phiên tòa thể hiện trước khi ra Quyết định Công ty không thỏa thuận bằng văn bản với Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành cấp trên trực tiếp cơ sở. Do vậy, Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 của Công ty TNHH N đã không thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục trên là vi phạm quy định tại Điều 192 Bộ luật Lao động 2012 và Điều 25 Luật Công đoàn 2012.

[4] Như đã nhận định ở trên, HĐXX có cơ sở xác định Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 của Công ty TNHH N về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ch là trái pháp luật.

[5] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Công ty TNHH N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch số tiền là 478.087.057 đồng (trong đó: Tiền lương tháng 10 và 11/2020 là 57.299.136 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán tiền lương tháng 10, 11/2020,

thời gian tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là 5.198.783 đồng; Tiền lương tháng thứ 13 năm 2020 là 29.799.567 đồng; Tiền 08 ngày phép là 11.309.120 đồng; Tiền lương từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là 10 tháng 27 ngày là 312.280.291 đồng; 02 tháng lương theo hợp đồng lao động là 62.200.160 đồng) và buộc Công ty TNHH N phải thực hiện truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, đóng phí công đoàn và thuế thu nhập cá nhân theo quy định cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch, thời gian tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 và nộp thuế thu nhập cá nhân tháng lương thứ 13 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch theo quy định là phù hợp với Điều 42 Bộ luật lao động và khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội.

Do các phần khác của Bản án Lao động sơ thẩm số: 10/2021/LĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

[6] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N và cần Giữ nguyên nội dung bản án Lao động sơ thẩm số: 10/2021/LĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về án phí:

- Về án phí Lao động sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm là 13.561.700 đồng Công ty TNHH N phải chịu.

- Về án phí Lao động phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty TNHH N phải chịu án phí Lao động phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 22, 38, 42 và 192 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 25 Luật Công đoàn;
- Căn cứ Điều 19, Điều 21 và Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N. Giữ nguyên nội dung bản án Lao động sơ thẩm số: 10/2021/LĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

1. Buộc Công ty TNHH N thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 001/2020/QĐ-KTTU ngày 15/10/2020 về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ch.

2. Buộc Công ty TNHH N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch số tiền là 478.087.057 đồng (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi bảy ngàn không trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó:

- Tiền lương tháng 10 và 11/2020 là 57.299.136 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán tiền lương tháng 10, 11/2020, thời gian tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là 5.198.783 đồng;
- Tiền lương tháng thứ 13 năm 2020 là 29.799.567 đồng;
- Tiền 08 ngày phép là 11.309.120 đồng.
- Tiền lương từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 là 10 tháng 27 ngày là 312.280.291 đồng;
- 02 tháng lương theo hợp đồng lao động là 62.200.160 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Buộc Công ty TNHH N phải thực hiện truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, đóng phí công đoàn và thuế thu nhập cá nhân theo quy định cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch, thời gian tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 27/10/2021 và nộp thuế thu nhập cá nhân tháng lương thứ 13 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ch theo quy định.

Lãi suất chậm nộp bảo hiểm xã hội do Công ty TNHH N chịu, số tiền lãi được áp dụng theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ch về việc yêu cầu Công ty TNHH N bồi thường 06 tháng tiền lương theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ch về yêu cầu Công ty TNHH N bồi thường tiền do vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động.

6. Về án phí:

- Về án Lao động sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm là 13.561.700 đồng Công ty TNHH N phải chịu. Bà Nguyễn Thị Thanh Ch không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Về án Lao động phúc thẩm: Án phí Lao động phúc thẩm Công ty TNHH N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty TNHH N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000493 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Dũng